

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19/8/2022
V/v “hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Phú.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Văn Tiến.

2. Ông Trịnh Xuân M.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 19/8/2022, tại Hội trường xét xử số 1, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/5/2022 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-DS ngày 29/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thế A, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. (đang chấp hành án tại đội 14, phân trại số 1 trại giam X, cục C10 Bộ Công an, địa chỉ: xã L, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh) Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị K, sinh năm 1987. Địa chỉ: Nơi cư trú cuối cùng tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. (TAND huyện H đã tuyên bố mất tích tại Quyết định số 05/2021/QĐDS-ST ngày 30/8/2021). Nay không rõ tung tích. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn P, sinh năm 1950 và bà Trần Thị M, sinh năm 1952 đều trú tại Ấp 2, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn anh Nguyễn Thế A trình bày:

Ngày 23 tháng 10 năm 2009, anh Nguyễn Thế A và chị Trần Thị K đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng về sống chung với cha mẹ đẻ của anh Anh tại Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Quá trình chung sống được gần một năm. Đến năm 2010 thì chị K tự ý bỏ nhà ra đi, khi đi không báo với gia đình cũng như chính quyền địa phương biết và từ đó không có liên lạc gì với gia đình. Anh Anh và gia đình đã tìm mọi biện pháp để liên lạc, tìm kiếm chị K nhưng không có kết quả và Tòa án nhân dân huyện H đã tuyên bố chị Trần Thị K mất tích tại Quyết định số 05/2021/QĐDS-ST ngày 30/8/2021. Nay anh Nguyễn Thế Anh làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Trần Thị K.

Về quan hệ con cái: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Phi H, sinh ngày 04/7/2010 nay con đang do ông bà ngoại nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Thế A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con, nhưng vì điều kiện đang phải chấp hành án tại trại giam X, cục C10 Bộ Công an, không thể nuôi con được nên chấp nhận để con tên Nguyễn Phi H cho ông, bà ngoại là ông Trần Văn P và bà Trần Thị M, đều trú tại Ấp 2, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nuôi dưỡng.

Về quan hệ tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã có đơn đề nghị xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải, đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn P và bà Trần Thị M, đều trình bày tại biên bản lấy lời khai: Hiện nay ông bà là người đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Lý do cha cháu H đang chấp hành án tại trại giam, còn mẹ cháu bỏ đi không có tung tích. Ông bà mong muốn tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H cho đến khi cháu thành niên. Sau này cha cháu là anh Nguyễn Thế A chấp hành án xong về nếu có yêu cầu muốn nuôi cháu H thì ông bà đồng ý giao cháu H cho anh Anh nuôi dưỡng. Ông bà có đơn xin giải quyết vắng mặt vì lý do sức khỏe, chúng tôi ở xa, không có điều kiện đi lại và có đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa đại diện Viên kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến như sau:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi tiến hành thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn đã bị Tòa án ra quyết định tuyên bố mất tích; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng liên quan đến việc giải quyết vụ án tại UBND xã H nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các bên đương sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy việc anh Anh làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với chị K là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ vợ chồng: Áp dụng Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014 chấp nhận nội dung đơn khởi kiện và đồng ý cho anh Anh ly hôn với chị K.

- Về con cái: Giao cháu Nguyễn Phi H, sinh ngày 04/7/2010 cho ông Trần Văn P và bà Trần Thị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi cháu H: cho ông Trần Văn P và bà Trần Thị M không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

- Về tài sản: Các đương sự không có tài sản chung, nên không xem xét.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a, khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc nguyên đơn anh Nguyễn Thế A phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến của những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nơi cư trú cuối cùng và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Trần Thị K vắng mặt và đã được Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh tuyên bố mất tích tại Quyết định số 01/2019/QĐDS-ST ngày 31/01/2019. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng chị Trần Thị K vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thế A và chị Trần Thị K tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 23/10/2009 tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì chị K tự ý bỏ đi khỏi địa phương từ đó đến nay không thấy trở về, anh Anh đã tìm kiếm nhưng không có kết quả và đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh tuyên bố chị K mất tích. Từ ngày bị Tòa án tuyên bố mất tích tại

Quyết định số 05/2021/QĐDS-ST ngày 30/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh đến nay vẫn không có tin tức gì của chị K, chị K bỏ đi không rõ địa chỉ, cắt đứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Đã hơn 11 năm nay vợ chồng không gặp nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, gia đình và địa phương không có bất cứ tin tức gì về chị K. Tình trạng hôn nhân đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 2, Điều 68 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Nguyễn Thế A được ly hôn với chị K là có căn cứ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Phi H, sinh ngày 04/7/2010. Anh Nguyễn Thế A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con, nhưng vì điều kiện đang phải chấp hành án tại trại giam nên không thể nuôi con được nên đề con tên Nguyễn Phi H cho ông, bà ngoại nuôi cháu H. Ông Trần Văn P và bà Trần Thị M hiện nay đang nuôi cháu H, **ông bà mong muốn tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cháu H cho đến khi cháu thành niên, cháu H cũng có nguyện vọng xin được ở với ông bà ngoại là** ông Trần Văn P và bà Trần Thị M để nuôi dưỡng cháu. Xét thấy việc ông bà ngoại yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu là chính đáng, việc ông bà đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H khỏe mạnh, phát triển bình thường, đảm bảo đầy đủ điều kiện về mọi mặt để nuôi cháu cho nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông bà được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu H cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản thực hiện quyền này, đồng thời không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83; Điều 104 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc anh Nguyễn Thế A phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56, Điều 57; khoản 1, khoản 2

Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 và Điều 104 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thế A được ly hôn chị Trần Thị K.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu chung là Nguyễn Phi H, sinh ngày 04/7/2010 cho ông Trần Văn P và bà Trần Thị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn Thế A, chị Trần Thị K có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản anh, chị thực hiện quyền này đồng thời anh, chị không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Thế A phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn. Anh Nguyễn Thế A đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0007814 ngày 29/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, nay không phải nộp nữa.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ + VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Phú

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Tiến

Trịnh Xuân M

Lê Văn Phú

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ + VP-TA.

Lê Văn Phú

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Tiến

Trịnh Xuân M

Lê Văn Phú

